

Số: /TTr-UBND

Cẩm Châu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng
Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy**

Kính gửi: UBND huyện Cẩm Thủy.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2018 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;

Căn cứ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy;

UBND xã Cẩm Châu kính trình UBND huyện Cẩm Thủy thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy.

2. Loại, cấp, quy mô công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Tên chủ đầu tư: UBND Xã Cẩm Châu – huyện Cẩm Thủy.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Cẩm Châu – huyện Cẩm Thủy.

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 449.310.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi chín triệu ba trăm mười nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 406.720.000 đồng

- Chi phí quản lý dự án: 12.741.000 đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 26.437.000 đồng
- Chi phí khác: 3.412.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 0 đồng

6. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn Ngân sách xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế: Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Tân Tiến.

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (Tập I, II, III).
- TCXD VN 9362:2012 – Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- TCVN 2737-1995: Tiêu chuẩn tải trọng và tác động.
- TCVN 5574 -2012: Tiêu chuẩn thiết kế Kết cấu BTCT.
- TCVN 5572 -2012: Tiêu chuẩn thiết kế Kết cấu thép.
- TCVN 5573-1991: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép.
- Các Tiêu chuẩn, Qui chuẩn khác.

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM:

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định chỉ định thầu nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo KT-KT;
- Hợp đồng tư vấn khảo sát, lập báo cáo KT-KT;
- Biên bản nghiệm thu bàn giao hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát;
- Thuyết minh báo cáo KTKT;
- Thuyết minh thiết kế BVTC;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;
- Hồ sơ dự toán xây dựng công trình (kèm đĩa CD);
- Qui trình vận hành bảo trì công trình.

3. Hồ sơ năng lực của nhà thầu:

- Hồ sơ năng lực của nhà thầu tư vấn thiết kế BVTC và dự toán;
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ trì khảo sát, thiết kế.

UBND xã Cẩm Châu kính trình UBND huyện Cẩm Thủy thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy với các nội dung nêu trên./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Phạm Hải Lăng

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND Xã Cẩm Châu)

Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy

Đơn vị: VN đồng

ST T	Khoản mục chi phí	Thành tiền		
		Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	539,583,819	53,958,383	593,542,202
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	15,653,327		15,653,327
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	36,631,728	3,663,173	40,294,901
1	Chi phí khảo sát	5.335.866	533.587	5.869.453
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 16/2019/TT-BXD)	31,295,862	3,129,586	34,425,448
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 16/2019/TT-BXD)	13,845,721	1,384,572	15,230,293
IV	CHI PHÍ KHÁC	11,469,422	926,946	12,396,368
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư (Thông tư 176/2011/TT-BTC)	135,085		135,085
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	135,085		135,085
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC))	1,929,784		1,929,784
4	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	6,500,324	650,032	7,150,356
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	2,769,144	276,914	3,046,058
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			33,855,855
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			33,855,855
	TỔNG CỘNG	617,184,017	59,933,074	710,972,946
	LÀM TRÒN			710,973.000